

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH K**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2018

Về tranh chấp: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D
TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương;

Ông Phạm Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 444/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐTS-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Kim O** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh K. Bà O có mặt

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Quốc B** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh K. Ông B vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn trình bày: Bà Đoàn Thị Kim O và ông Trần Quốc B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng về sau giữa bà và ông B không hòa hợp nhau trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận với gia đình nhà chồng, cha chồng thường xuyên đuổi bà ra khỏi nhà nhưng ông B không có động thái bảo vệ bà. Từ năm 2011 đến nay bà và ông B không còn chung sống với nhau. Trong thời gian không chung sống, ông B không có biểu hiện hàn gắn với bà. Đến nay bà và ông B không còn tình cảm nên bà O kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc B.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là: Trần Anh K - sinh ngày 27/6/2004 và Trần Nhật H – sinh ngày 21/10/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung vì các con đang ở với bà. Bà không yêu cầu ông Trần Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Quốc B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: ông Trần Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Đoàn Thị Kim O và ông Trần Quốc B là vợ chồng. Nay bà O yêu cầu ly hôn với ông B là một yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện thì thấy rằng: Bà Đoàn Thị Kim O và ông Trần Quốc B tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận với gia đình chồng, ông B không quan tâm đến bà, không bảo vệ bà khi bị cha chồng đuổi bà đi. Từ năm 2011 đến nay bà O và ông B không còn chung sống với nhau, vì vậy bà O yêu cầu được ly hôn với ông B. Bản thân ông B đã được Tòa án triệu tập đến Tòa nhiều lần để giải quyết nhưng vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông B không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa và từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà O và ông B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O.

[4] Về con chung: Bà Đoàn Thị Kim O xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh K - sinh ngày 27/6/2004 và Trần Nhật H – sinh ngày 21/10/2010. Các con chung hiện nay do bà O chăm sóc, giáo dục nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần giao con chung cho bà O nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà O xác định không có.

[4] Về án phí: Bà Đoàn Thị Kim O phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

1. Bà Đoàn Thị Kim O được ly hôn với ông Trần Quốc B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Anh K - sinh ngày 27/6/2004 và Trần Nhật H – sinh ngày 21/10/2010 cho bà Đoàn Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông B.

Ông B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà O, ông B có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Đoàn Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018457 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Bà O đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị Kim O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Quốc B thời hạn nói trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Đương sự;
- UBND xã D (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS huyện D;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận